TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thân và bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên tòa*:* Ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt

2. *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 19/11/2019. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình và thường xuyên đánh đập chị, chị H đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do không chịu đựng được nên chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung*:* Chị H khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2010 và cháu Trần Thị L, sinh ngày 30/3/2013. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu H và L, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/1 tháng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm công nhân công ty SEILM-TECH VINA, thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 10/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày: Giữa bị đơn và nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H ngày 19/11/2009. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cãi vã, xung đột, vợ chồng không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với anh T từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T không đồng ý.

Về con chung: Anh T khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2010 và cháu Trần Thị L, sinh ngày 30/3/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H để chị H nuôi dưỡng cháu L, anh T và chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu H và L, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng chị H yêu cầu là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh T cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, chị H vắng

mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Kết quả xác minh ngày 13/8/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cho thấy: nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi, chửi nhau, chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Huệ được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2010 và cháu Trần Thị L, sinh ngày 30/3/2013. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu H và L, cũng là phù phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu H và L do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Để tránh xáo trộn về tâm lý cũng nơi ở và việc học tập của các cháu, giao cháu H và cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/1 tháng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6; khoản 5, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/8/2010 và cháu Trần Thị L, sinh ngày 30/3/2013 là con chung của chị H và anh T. Giao các cháu H và L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, hai cháu là 2.000.000 đồng/1 tháng, thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi các cháu H và L đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009386 ngày 04/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, chị H đã nộp đủ án phí. Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương